

Số: **3090** /CHHVN-VTDVHH

Hà Nội, ngày **04** tháng 8 năm 2016

V/v xin ý kiến dự thảo Quyết định ban hành khung giá sử dụng cầu bến, phao neo

Kính gửi:

.....  
.....

Thực hiện Quyết định số 4406/QĐ-BGTVT ngày 15/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2016 của Bộ GTVT, trong đó giao Cục Hàng hải Việt Nam là cơ quan chủ trì soạn thảo Quyết định ban hành khung giá dịch vụ tại cảng biển trên cơ sở quy định tại Điều 90 Bộ luật hàng hải năm 2015, Luật Giá 2013 và các văn bản quy định của pháp luật khác có liên quan.

Ngày 11/4/2016, Cục Hàng hải Việt Nam đã có văn bản số 1438/CHHVN-VTDVHH về việc chuẩn bị nội dung dự thảo Quyết định ban hành khung giá dịch vụ tại cảng biển. Trên cơ sở báo cáo của các doanh nghiệp, tổ chức có liên quan, Cục Hàng hải Việt Nam đã dự thảo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành khung giá sử dụng cầu bến, phao neo tại cảng biển Việt Nam (*gửi kèm theo công văn này*).

Cục Hàng hải Việt Nam đề nghị Quý cơ quan, đơn vị có ý kiến góp ý đối với nội dung dự thảo Quyết định nêu trên **trước ngày 12 tháng 8 năm 2016 (thứ Sáu)** và gửi file mềm vào hộp thư điện tử: [dichvuvantai@vinamarine.gov.vn](mailto:dichvuvantai@vinamarine.gov.vn); điện thoại: 04.3768.3198; fax: 04.3768.3058.

Rất mong sớm nhận được ý kiến tham gia của quý cơ quan.

**Nơi nhận**

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Các CVHH;
- Văn phòng (để đăng website);
- Lưu: VT, VTDVHH.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Bùi Thiên Thu**

Số:            /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày            tháng            năm 2017

**DỰ THẢO**

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành khung giá sử dụng cầu bến, phao neo tại cảng biển Việt Nam**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

*Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Trên cơ sở kết quả thẩm định phương án giá sử dụng cầu bến, phao neo tại cảng biển và thống nhất của Bộ Tài chính tại Văn bản số.....ngày.....;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Vận tải,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này khung giá sử dụng cầu bến, phao neo tại cảng biển Việt Nam.

**Điều 2.** Nguyên tắc và phương pháp xác định khung giá sử dụng cầu bến, phao neo

1. Khung giá ban hành kèm theo Quyết định này được xác định bằng phương pháp so sánh.

2. Khung giá ban hành kèm theo Quyết định này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**Điều 3.** Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tàu vận tải nội địa là tàu vận chuyển hành khách, hành lý mà địa điểm nhận hàng và địa điểm trả hàng thuộc vùng biển hoặc nội thủy Việt Nam

2. Tàu vận tải quốc tế là tàu vận chuyển hành khách, hành lý mà địa điểm nhận hàng hoặc địa điểm trả hàng không thuộc vùng biển hoặc nội thủy Việt Nam.

3. Phương pháp so sánh trực tiếp là phương pháp định giá hàng hóa, dịch vụ căn vào kết quả phân tích, so sánh giữa mức giá và các đặc điểm kinh tế, kỹ thuật ảnh hưởng lớn đến mức giá của hàng hóa, dịch vụ cần định giá với hàng hóa, dịch vụ tương tự được giao dịch trên thị trường trong nước; có tham khảo giá cả trên thị trường khu vực và thế giới (nếu có). Trong đó, hàng hóa, dịch vụ tương tự là hàng hóa, dịch vụ cùng loại, giống nhau hoặc tương tự với hàng hóa, dịch vụ cần định giá về các đặc tính cơ bản như: mục đích sử dụng, đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, hình dáng, kích thước, nguyên lý cấu tạo, các thông số kỹ thuật chủ yếu, chất lượng, nguồn gốc xuất xứ, thời gian sản xuất, công nghệ sản xuất, đặc điểm pháp lý và các yếu tố khác (nếu có).

4. Khung giá dịch vụ sử dụng cầu bến, phao neo là dải giá trị từ mức giá sử dụng cầu bến, phao neo tối thiểu đến mức giá sử dụng cầu bến, phao neo tối đa.

6. Giá tối thiểu là mức giá sử dụng cầu bến, phao neo thấp nhất mà doanh nghiệp cảng biển được thu từ khách hàng. Mức giá này không được thấp hơn 50% mức giá tối đa.

7. Giá tối đa là mức giá sử dụng cầu bến, phao neo cao nhất mà doanh nghiệp cảng biển được thu từ khách hàng. Mức giá này không vượt quá 20% mức giá sử dụng cầu bến, phao neo được định giá tại các cảng biển cùng khu vực.

#### **Điều 4. Đơn vị tính giá sử dụng cầu bến, phao neo và cách làm tròn**

##### 1. Dung tích toàn phần - Gross Tonnage (GT):

a) Đối với tàu thuyền chở hàng lỏng (LIQUID CARGO TANKERS), dung tích toàn phần tính bằng 85% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận của cơ quan đăng kiểm không phân biệt tàu có hay không có các kết nước dẫn phân ly.

b) Đối với tàu thuyền chở khách, tính bằng 50% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận của cơ quan đăng kiểm.

c) Tàu thuyền không ghi GT, được quy đổi như sau:

- Tàu biển và phương tiện thủy nội địa tự hành quy đổi 1,5 tấn trọng tải tính bằng 01 GT;

- Sà lan quy đổi 01 tấn trọng tải toàn phần tính bằng 01 GT;

- Tàu kéo, tàu đẩy, tàu chở khách (kể cả thủy phi cơ) và cầu nổi: 01 mã lực (HP, CV) tính bằng 0,5 GT; 01 KW tính bằng 0,7 GT; 01 tấn sức nâng của cầu đặt trên tàu thuyền quy đổi tương đương 06 GT;

- Tàu thuyền chở khách không ghi công suất máy, quy đổi 01 ghế ngồi dành cho hành khách tính bằng 0,67 GT; 01 giường nằm tính bằng 4 GT.

- Trường hợp tàu thuyền là đoàn lai kéo, lai đẩy hoặc lai cập mạn tính bằng tổng dung tích của cả đoàn bao gồm sà lan, đầu kéo hoặc đầu đẩy.

Đối với việc quy đổi theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này được chọn phương thức quy đổi có dung tích GT lớn nhất.

2. Đơn vị thời gian là giờ. 01 giờ tính là 60 phút, phần lẻ từ 30 phút trở xuống tính bằng  $\frac{1}{2}$  giờ, trên 30 phút tính bằng 01 giờ.

Tàu thuyền neo buộc tại nhiều vị trí trong khu nước, vùng nước thuộc khu vực hàng hải của một cảng biển thì tính bằng tổng thời gian thực tế neo buộc tại từng vị trí.

3. Đơn vị khối lượng hàng hoá (kể cả bao bì): là tấn hoặc mét khối ( $m^3$ ); Phần lẻ dưới 0,5 tấn hoặc  $0,5 m^3$  không tính, từ 0,5 tấn hoặc  $0,5 m^3$  trở lên tính 01 tấn hoặc  $01 m^3$ . Trong một vận đơn lẻ, khối lượng tối thiểu để tính phí là 01 tấn hoặc  $01 m^3$ . Với loại hàng hoá mỗi tấn chiếm từ  $02 m^3$  trở lên thì cứ  $02 m^3$  tính bằng 01 tấn.

4. Đơn vị tính phí cầu bến đối với tàu thuyền là mét (m) cầu bến, phần lẻ chưa đủ 01 m tính bằng 01 m.

#### **Điều 5. Đồng tiền thu giá sử dụng cầu bến, phao neo**

1. Đồng tiền thu giá sử dụng cầu bến, phao neo đối với tàu vận tải nội địa là Đồng Việt Nam.

2. Đồng tiền thu giá sử dụng cầu bến, phao neo đối với tàu vận tải quốc tế là Đồng Việt Nam hoặc Đồng ngoại tệ tự do chuyển đổi.

3. Trường hợp chuyển đổi từ đồng Đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam thì quy đổi theo tỷ giá giao dịch mua chuyên khoản do Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm ký hợp đồng.

#### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Căn cứ tình hình thị trường, khung giá do Bộ Giao thông vận tải quy định tại Quyết định này, các doanh nghiệp cảng biển tự quyết định mức giá cụ thể trong phạm vi của khung giá; có văn bản báo cáo mức giá cụ thể với Cảng vụ hàng hải, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; đồng thời gửi bản sao về Bộ Giao thông vận tải (Cục Hàng hải Việt Nam) và Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá).

2. Việc xử lý giai đoạn chuyển tiếp kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành như sau:

- Giá sử dụng cầu bến, phao neo cho các tàu cập cảng trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2016/TT-BTC ngày 05/1/2016 của Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải.

- Giá sử dụng cầu bến, phao neo cho các tàu cập cảng sau ngày Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện mức giá theo Quyết định này.

**Điều 7.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

**Điều 8.** Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Quản lý giá, Thủ trưởng các cơ quan, doanh nghiệp, cá nhân cung cấp và sử dụng cầu bến, phao neo tại cảng biển chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận***

- Như Điều 9;
- Bộ Tài chính;
- Các Vụ: TC, PC, QLDN, KHĐT;
- Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
- Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn;
- Các Hiệp hội chuyên ngành (05);
- Lưu: VT, Vụ VT (09).

**BỘ TRƯỞNG**

**Trương Quang Nghĩa**

**Phụ lục. KHUNG GIÁ SỬ DỤNG CÀU BẾN, PHAO NEO**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ..... ngày ..... của Bộ Giao thông vận tải)

**A. KHUNG GIÁ SỬ DỤNG CÀU BẾN, PHAO NEO ĐỐI VỚI TÀU VẬN TẢI NỘI ĐỊA**

Đơn vị tính: VNĐ/GT/giờ

TT	Loại dịch vụ	Khung giá dịch vụ tương ứng	
		Giá tối thiểu	Giá tối đa
I.	Đối với tàu thuyền chở hàng		
1	Neo buộc tại cầu	9	18
2	Neo buộc tại phao	6	12
II.	Đối với tàu thuyền chở khách		
3.	Neo buộc tại cầu	4.5	9
4.	Neo buộc tại phao	3	6

**B. KHUNG GIÁ SỬ DỤNG CẦU BẾN, PHAO NEO ĐỐI VỚI TÀU VẬN TẢI QUỐC TẾ**

TT	Loại phương tiện, hình thức sử dụng	Khung giá dịch vụ tương ứng		Đơn vị tính
		Giá tối thiểu	Giá tối đa	
<b>I</b>	<b>Đối với tàu thuyền</b>			
1	Tàu thuyền neo buộc tại cầu	0,00186	0,00372	USD/GT/giờ
2	Tàu thuyền neo buộc tại phao	0,00078	0,00156	USD/GT/giờ
3	Tàu khách chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 4 chuyến/1tháng/1 khu vực hàng hải neo buộc tại cầu	0,00093	0,00186	USD/GT/giờ
4	Tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 4 chuyến/1tháng/1 khu vực hàng hải neo buộc tại phao	0,00039	0,00078	USD/GT/giờ
5	Tàu thuyền chở khách có dung tích toàn phần từ 500 GT trở lên neo buộc tại cầu	0,000744	0,001488	USD/GT/giờ
6	Tàu thuyền chở khách có dung tích toàn phần từ 500 GT trở lên neo buộc tại phao	0,000312	0,000624	USD/GT/giờ
7	Tàu thuyền nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm cầu	0,0036	0,0072	USD/GT/giờ
8	Tàu thuyền nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm phao	0,0012	0,0024	USD/GT/giờ
9	Tàu thuyền cập mạn với tàu thuyền khác ở cầu, phao	0,0009	0,0018	USD/GT/giờ
10	Tàu thuyền neo buộc tại các bến cảng chuyên dùng phục vụ dầu khí mà có làm hàng hoặc nhận dầu, nước	90 USD/1 tàu	0,36 USD/m-giờ	
11	Tàu thuyền neo buộc tại các bến cảng chuyên dùng phục vụ dầu khí mà không làm hàng hoặc không nhận dầu, nước	100 USD/ 1 tàu	0,42 USD/m-giờ	
12	Tàu thuyền đỗ áp mạn song song với các tàu thuyền khác cập tại cầu cảng chuyên dùng phục vụ dầu khí	25 USD/1 tàu	0,096 USD/m-giờ	
<b>II</b>	<b>Đối với hàng hóa, hành khách thông qua cầu cảng, bến phao</b>			
1	Làm hàng tại cầu cảng			
1.1	Hàng hóa thông thường	0,108	0,216	USD/tấn
1.2	Công-te-nơ 20 feet	0,96	1,92	USD/cont
1.3	Công-te-nơ 40 feet	1,92	3,84	USD/cont
1.4	Công-te-nơ > 40 feet	2,4	4,8	USD/cont

2	Làm hàng tại phao	0,054	0,108	USD/tấn
3	Hàng hóa là phương tiện vận tải			
3.1	Xe bảo ôn, xe xích, gảm ngoàm, xe lăn đường, xe nâng hàng,	1,62	3,24	USD/chiếc
3.2	Xe ô tô 15 chỗ ngồi trở xuống, xe có trọng tải 2,5 tấn trở xuống	0,54	1,08	USD/chiếc
3.3	Các loại ô tô khác	1,08	2,16	USD/chiếc
4	Hàng hóa là hàng lỏng	0,54	1,08	USD/tấn
5	Hành khách thông qua cầu cảng, bến phao			
5.1	Lướt vào	0,6	1,2	USD/người
5.2	Lướt rời	0,6	1,2	USD/người